BẢNG TỔNG HỢP SO SÁNH KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỊNH MỨC ĐIỆN TẠI CÁC KHU VỰC
TỪ THÁNG 1 - 9 NĂM 2021

NGÀY LẬP 10/10/2021

STT	Bộ phận/ Khu vực	Tổng số Kwh tiêu thụ	Tổng doanh thu	Tổng số khách/m²/kg/ngày phòng	TB thực hiện 01 - 09/2020		Định mức năm 2021		TB thực hiện 01 - 09/2021		So sánh tỉ lệ thực hiện 2020 với 2021		So sánh Tỉ lệ thực hiện với định mức		Số kwh tiết kiệm so với cùng kỳ	Số tiền tiết kiệm (VND)
					MT	KT	MT	KT	MT	KT	MT	KT	MT	KT		
1	Hoa Mai	15,270	1,943,491,953	14,242	1.25	2.20%	1.40	1.90%	1.07	1.77%	-14.5%	-19.6%	76.6%	93.0%	4,669	10,504,800
2	Rooftop Garden	19,968	4,645,473,085	7,296	1.04	0.61%	1.11	0.63%	2.74	0.97%	163.1%	58.3%	246.6%	153.5%	-11,869	-26,706,240
3	Cung Đình	42,660	3,051,497,916	6,621	4.24	1.54%	4.35	1.75%	6.44	3.15%	-	-	-	-	-	-
4	Hoàng sa	22,877	1,338,868,224	2,397	7.73	0.02	7.50	2.92%	9.54	3.84%	-	-	-	-	-	-
5	Tiệc - Hội nghị East	13,288	4,421,446,930	9,209	0.004	0.84%	0.0035	0.97%	0.0037	0.68%	4%	-19.1%	107.4%	69.7%	-	-
6	Tiệc - Hội nghị Exec	28,020	5,733,210,457	11,286	0.003	1.00%	0.0030	0.88%	0.0035	1.10%	33%	10.0%	117.9%	125.0%	-5,293	-11,908,839
7	Phòng ngủ	118,298	11,713,044,130	9,033	11.32	1.13%	11.15	1.23%	13.10	2.27%	15.7%	101.6%	117.5%	184.8%	-17,580	-39,555,113
8	Nhà giặt	67,626	130,829,800	332,711	0.145	40.69%	0.16	-	0.203	116.3%	40.5%	-	131.1%	-	-16,056	-36,125,539
9	Bếp lầu 6	3,669	11,010,411,968	30,747	0.25	0.18%	0.20	0.15%	0.12	0.07%	-51.5%	-58.8%	59.7%	51.7%	2,481	5,582,025
10	Bếp Cung Đình	75,020	18,156,394,228	40,779	1.837	0.77%	1.600	0.79%	1.84	0.93%	-	-	115.0%	117.7%	-9,774	-21,990,600
11	Bếp Căn tin	14,225	-	49,313	0.17	-	0.17	-	0.29	-	67.4%	-	172.7%	-	-5,989	-13,476,215
12	Khối Văn phòng	18,640	-	-	0.0013	-	-	-	0.0033	-	-	-	-	-	-	-
14	GYM + POOL	18,754	160,035,826	379	19.47	15%	-	-	49.48	26.4%	-	70.9%	-	-	-	-
15	Rex Health Club	4,980	134,586,600	251	8.67	4%	-	-	19.84	8.3%	-	-	-	-	-	-
16	Galaxy	470,992	20,110,482,000	-	-	7.52%	-	-	-	5.3%	-	-29.9%	-	-	-	-
17	Solar New wing	8,740	4,828,033,424	76,561	0.22	0.39%	-	-	0.11	0.41%	-49.0%	5.1%	-	-	-	-
18	Solar East wing	38,720	6,885,010,706	42,221	0.85	0.64%	-	-	0.92	1.27%	8.0%	96.8%	-	-	-	-
19	Mặt bằng cho thuê	1,235,638	60,422,498,000	-	-	6.66%	-	-	-	4.6%	-	-30.9%	-	-	-	-
20	Khách sạn	2,292,061	118,278,657,540	9,033	151.4	5.49%	-	-	253.74	4.36%	67.6%	-20.6%	-	-	-	-
21	**Toàn khách sạn**	**3,527,699**	**178,701,155,540**	**9,033**	**241.7**	**5.88%**	**253.0**	**6.0%**	**390.5**	**4.44%**	**61.6%**	**-24.4%**	**154.4%**	**74.0%**	**-1,344,177**	**-3,024,398,622**

***Ghi chú:**

- Đơn giá TB tiền điện **2,250 kwh/đ** Giảm 4% so với cùng kỳ
- MT: Định mức môi trường; Đơn vị tính: kwh/khách (nhà hàng); kwh/ngày phòng (phòng ngủ); kwh/kg đồ giặt (nhà giặt); kwh/m²/h (Tiệc - Hội nghị, Khối Văn phòng).
- KT: Định mức kinh tế; Đơn vị tính: Tỉ lệ % chi phí tiền điện/doanh thu

***Nhận xét:**

- Toàn khách sạn, 9 tháng đầu năm 2021 lượng điện tiêu thụ/ ngày phòng tăng 61%; chi phí điện/doanh thu tăng 19% so với cùng kỳ 2020.
- Các khu vực không đạt các định mức chỉ tiêu kinh tế và môi trường so với pháp lệnh điện trong 9 tháng đầu năm 2021 là: Rooftop, Tiệc-HN Exec, Bếp CĐ, Bếp Căn tin, Phòng ngủ, Nhà giặt.

* **Đề nghị**: Trưởng Bộ Phận/Outlets lập Hồ sơ Biểu mẫu Ghi nhận Thông tin và sự không phù hợp, phân tích rõ ràng và đầy đủ các nguyên nhân và đề xuất các hành động khắc phục, phòng ngừa cần phải thực hiện nhằm đạt được định mức khách sạn đề ra trong các tháng tiếp theo. Đồng thời, phải thông báo cho tất cả nhân viên trong bộ phận để thực hiện và lưu các hồ sơ liên quan.